

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-4-2021  
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lập  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Hà  
Ông Cao Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm: 1988; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 2, xã Vĩnh A, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường V, sinh năm: 1986; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 5, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 02 tháng 12 năm 2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Lê Thị L (chị L) trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Trường V (anh V) tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Madaguôi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 09/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã

hội. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Từ đầu tháng 07 năm 2013 đến nay Chị L và anh V đã ly thân và không còn chung sống với nhau. Chị L đã đưa con về gia đình bố mẹ ruột tại thôn 2, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa sinh sống cho đến nay, còn anh V thì vẫn sinh sống tại địa phương; trong thời gian vợ chồng sống ly thân Chị L và anh V không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho phép Chị L được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa Chị L và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Tâm, sinh ngày 24/01/2010 (cháu Tâm), ly hôn Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, đồng thời yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định đến thời điểm hiện tại không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như lời Chị L trình bày là đúng. Từ đầu tháng 07 năm 2013 đến nay Chị L và anh V đã ly thân và không còn chung sống với nhau. Chị L đã đưa con về gia đình bố mẹ ruột tại thôn 2, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa sinh sống cho đến nay còn anh V thì vẫn sinh sống tại địa phương; trong thời gian vợ chồng sống ly thân Chị L và anh V không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn Chị L yêu cầu được ly hôn thì anh V cũng đồng ý ly hôn với chị Liên.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa Chị L và anh V có 01 con chung là cháu Tâm, ly hôn Chị L yêu cầu được nuôi con, anh V đồng ý giao con cho Chị L nuôi dưỡng; chăm sóc đến khi con thành niên và đồng ý cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị Liên.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định đến thời điểm hiện tại không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị Liên, anh V sinh sống (*Ủy ban nhân dân xã Madaguôlô*) thì thấy rằng Chị L đã không còn sinh sống tại địa phương từ nhiều năm trước. Chị L đã đưa con về gia đình bố mẹ ruột (ở ngoài bắc) sinh sống cho đến nay còn anh V thì vẫn sinh sống tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần Chị L đến Tòa tham gia tố tụng nhưng Chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá

về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn Chị L chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn anh V chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nguyên đơn, bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống Chị L và anh V xảy ra mâu thuẫn, kể từ tháng 07 năm 2013 đến nay Chị L và anh V không còn sống chung với nhau, Chị L đã đưa con về với mẹ ruột sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Chị L và anh V không còn. Qua xác minh thì thấy rằng mâu thuẫn giữa Chị L và anh V là có thật, hiện cả hai không còn sống chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Liên.

- Về con chung: Chị Lyêu cầu được nuôi cháu Tâm đến khi con thành niên, cháu Tâm cũng có nguyện vọng ở với chị Liên. Mặt khác, anh V cũng đồng ý giao con cho Chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tâm cho Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lyêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng; anh V cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/tháng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị L khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng nên cũng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Chị Lcung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Giấy trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Thiện Tâm (bản sao); 01 CMND mang tên Lê Thị Liên (bản sao); 01 sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ mang tên Lê Thị Luyện (mẹ ruột chị Liên) (bản sao); 01 sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ mang tên Nguyễn Trường Văn (bản sao); 01 đơn xin giải quyết việc vụ cấp nuôi dưỡng con của chị Liên.

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn anh Vcung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 CMND mang tên Nguyễn Trường Văn (bản sao); 01 hợp đồng lao động giữa anh Nguyễn Trường Vgiữa Công ty TNHH Minh Phú; 02 phiếu trả lương cho anh Văn.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai của chị Liên; 01 bản tự khai của anh Văn; 01 đơn xin vắng mặt của chị Liên; 01 đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của chị Liên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng; về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ nguyên đơn chị Liên, bị đơn anh Vđến Tòa tham gia tố tụng nhưng chị Liên; anh Vđều có đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa tham gia tố tụng, xét xử nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Chị Lvà anh Vtự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Mađaguôi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 09/3/2010, do vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị Lvà anh Vđược xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn Chị Lkhởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Văn. Anh Vcó nơi cư trú tại xã Mađaguôi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân thì thấy rằng: Sau khi kết hôn Chị Lvà anh Vchỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã

hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Từ đầu tháng 07 năm 2013 đến nay anh VChị Lkhông còn chung sống với nhau nữa. Chị Lđã chuyển ra về thôn 2, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa cho đến nay; trong thời gian vợ chồng sống ly thân Chị Lvà anh Vkhông quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Chị Lvà anh Vkhông còn nên Chị Lyêu cầu được ly hôn với anh V. Qua xác minh tại địa phương thì thấy rằng mâu thuẫn giữa Chị Lvà anh Vlà có thật, Chị Lvà anh V sống ly thân hơn 07 năm. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Lvà anh V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn cho Chị Lđược ly hôn với anh V là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã Madaguôi thể hiện họ tên cháu Nguyễn Thiện Tâm, sinh ngày 24/01/2010 có họ tên người mẹ Lê Thị Liên, họ tên người cha Nguyễn Trường Văn. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định cháu Tâm là con chung của Chị Lvà anh V.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị Lthì thấy rằng: Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không ở chung với nhau nên Chị Lđã đưa cháu Tâm về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện tại cháu Tâm đang sống ổn định, việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tâm hàng ngày được Chị Lvà bà ngoại chăm sóc tốt; cháu Tâm còn nhỏ, đã sống với mẹ và bà ngoại một thời gian khá dài và đã quen với cách sống, sinh hoạt hàng ngày, cháu Tâm cũng có nguyện vọng ở với chị Liên. Mặt khác, anh Vcũng đồng ý giao con cho Chị Llà người trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho cháu Tâm ổn định nhằm tránh sự thay đổi đột ngột có thể dẫn đến sự lo sợ và phát triển không bình thường cho cháu Tâm nên cần tiếp tục giao cháu Tâm cho Chị Llà người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lyêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Vphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng; anh Vcũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/tháng nên buộc anh Vcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Lkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.5] Về nợ chung: Chị Lxác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí: Chị Lkhởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Vcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng nên cũng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lỗi với anh Nguyễn Trường Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lỗi ly hôn với anh Nguyễn Trường Văn. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 11; quyển số 01/2009 ngày 19/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã Madaguoi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thiện Tâm, sinh ngày 26/3/2011 cho chị Lê Thị Lỗi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Trường V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (*Nguyễn Thiện Tâm, sinh ngày 26/3/2011*) mỗi tháng 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

*Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.*

4. Về án phí: Chị Lê Thị Lỗi phải chịu nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Chị Lỗi đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018256 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Chị Lỗi nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trường V phải chịu nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đ (02);
- Chi cục THADS huyện Đ (02);
- UBND xã M, huyện Đ (01);
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Lập**